

Bản án số: 37/2026/DS-ST

Ngày: 27/3/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

Ông Danh Sà Khol.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần () Việt Nam T**. Địa chỉ trụ sở: **Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Thái Thị Hồng H** - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền số 10/2025/UQN-CTQT ngày 12/02/2025 của Chủ tịch HĐQT).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Hoàng P** - Chuyên viên Xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 1534/UQ-VPB ngày 04/9/2025) - (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị N**, sinh năm 1980. Địa chỉ: **ấp C, xã M, tỉnh An Giang** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng TMCP V ông Nguyễn Hoàng P trình bày:*

Ngày 12/11/2020 bà Vũ Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng số: LN2011092994859 (LD2031701021) với Ngân hàng TMCP V (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ) để vay số tiền là 210.000.000 đồng. Hình thức vay tín chấp, giải ngân qua thẻ tín dụng, lãi suất thỏa thuận là 35% năm, lãi quá hạn 52,50%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Sau khi ký hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho bà N đủ số tiền vay trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần yêu cầu thanh toán số nợ nhưng bà N không thực hiện. Tính đến ngày 27/3/2025 bà Vũ Thị N còn nợ Ngân hàng số tiền vay tổng cộng là 497.130.615 đồng, trong đó gốc là 162.194.467 đồng, lãi là 334.936.148 đồng.

Việc bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Do đó Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 27/3/2026 tổng cộng là 497.130.615 đồng. Đồng thời buộc bà N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 28/3/2026 đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 16/01/2026 bị đơn bà Vũ Thị N trình bày như sau:* Trước đây vào năm 2020 bà N có vay tiền của Ngân hàng TMCP V với số tiền là 210.000.000 đồng, tuy nhiên bà chỉ nhận được số tiền là 200.000.000 đồng, còn lại là tiền bảo hiểm, hình thức tín chấp, nhận tiền mặt tại Ngân hàng. Khi vay Ngân hàng không cho biết lãi suất bao nhiêu phần trăm, chỉ nói mỗi tháng trả 8.200.000 đồng, trả trong vòng 36 tháng là hết. Bà N đã đóng được 20 tháng, mỗi tháng từ 8.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, tổng số tiền bà đã trả cho Ngân hàng là khoảng hơn 200.000.000 đồng. Hóa đơn chứng từ đóng tiền bà còn giữ nhưng không đủ hết 20 lần, vì các lần đóng ở Thẻ giới di động thì không còn. Ngoài khoản vay trên ra thì bà không còn vay thêm khoản tiền nào khác của Ngân hàng.

Nay phía Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 165.769.787 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/5/2025 là 251.975.000 đồng thì ý kiến của bà như sau: Số tiền bà đóng cho Ngân hàng 20 tháng cũng hơn 200 triệu, số tiền này cũng đã đủ số tiền gốc bà vay của Ngân hàng, hiện nay bà không còn khả năng để trả nữa nên không thể trả tiếp cho Ngân hàng, còn Tòa án giải quyết như thế nào thì bà không có ý kiến.

** Tại phiên tòa:*

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP V trình bày:* Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giải quyết buộc bà **Vũ Thị N** phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 27/3/2025 bà **Vũ Thị N** còn nợ Ngân hàng số tiền vay tổng cộng là 497.130.615 đồng, trong đó gốc là 162.194.467 đồng, lãi là 334.936.148 đồng. Đồng thời buộc bà **N** phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 28/3/2026 đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V**. Buộc bà **Vũ Thị N** phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 27/3/2025 bà **Vũ Thị N** còn nợ Ngân hàng số tiền vay tổng cộng là 497.130.615 đồng, trong đó gốc là 162.194.467 đồng, lãi là 334.936.148 đồng. Đồng thời buộc bà **N** còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 28/3/2026 cho đến khi hoàn thành việc trả nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Buộc bà **Vũ Thị N** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, **Ngân hàng TMCP V** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Vũ Thị N** phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Do đó HĐXX xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà **Vũ Thị N** có nơi cư trú tại **ấp C, xã M, tỉnh An Giang** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] **Ngân hàng TMCP V** yêu cầu bà **Vũ Thị N** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/3/2025 bà **Vũ Thị N** còn nợ Ngân hàng số tiền vay tổng cộng là 497.130.615 đồng, trong đó gốc là 162.194.467 đồng, lãi là 334.936.148 đồng. Đồng thời buộc bà **N** còn phải tiếp tục chịu lãi phát

sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 28/3/2026 cho đến khi hoàn thành việc trả nợ cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V**, HĐXX nhận thấy: Vào ngày 12/11/2020 bà **Vũ Thị N** có ký hợp đồng tín dụng số: LN2011092994859 với **Ngân hàng TMCP V** (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử) với **Ngân hàng TMCP V** để vay số tiền là 210.000.000 đồng. Hình thức vay tín chấp, giải ngân qua thẻ tín dụng, lãi suất thỏa thuận là 35% năm, lãi quá hạn 52.50%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà **N** đầy đủ số tiền nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà **N** có đóng lãi và gốc nhưng không đủ. Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần nhưng bà **N** không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, bà **N** đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hợp đồng ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, bà **N** đồng ý với các thỏa thuận trong hợp đồng nên bà phải chịu trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án và tại các bản khai bà **Vũ Thị N** thừa nhận việc có vay tiền của Ngân hàng là đúng nhưng không đồng ý trả số nợ do đã đóng gốc và lãi nhiều lần cho Ngân hàng. Như vậy yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V** là có cơ sở và được HĐXX xem xét chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến trình bày của bà **Vũ Thị N** về việc chỉ nhận được số tiền vay là 200.000.000 đồng mặc dù ký hợp đồng tín dụng với hạn mức là 210.000.000 đồng. Đồng thời đã đóng được 20 tháng, mỗi tháng từ 8.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, tổng số tiền bà đã trả cho Ngân hàng là khoảng hơn 200.000.000 đồng. HĐXX nhận thấy: Tại chứng từ lịch sử giải ngân ngày 01/7/2022 **Ngân hàng TMCP V** đã giải ngân cho bà **N** số tiền 210.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD2031701021. Đồng thời bà **N** cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc chị chỉ được nhận số tiền 200.000.000 đồng cũng như việc bà đã đóng được cho Ngân hàng số tiền gần 200.000.000 đồng. Do đó lời khai của bà **N** không có căn cứ nên không được HĐXX xem xét chấp nhận.

Từ những lập luận nêu trên, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc bà **Vũ Thị N** phải trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/3/2025 bà **Vũ Thị N** còn nợ Ngân hàng số tiền vay tổng cộng là 497.130.615 đồng, trong đó gốc là 162.194.467 đồng, lãi là 334.936.148 đồng. Đồng thời bà **N** phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 28/3/2026 cho đến khi hoàn thành việc trả nợ cho Ngân hàng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bà **Vũ Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.885.000 đồng.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V**.

2. Buộc bà **Vũ Thị N** phải trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 27/3/2026 tổng gốc và lãi là 497.130.615 đồng (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn, sáu trăm mười lăm đồng*). Trong đó gốc là 200.180.907 đồng và lãi là 360.100.429 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong số tiền trên, bà **Vũ Thị N** còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LD2031701021 ký ngày 12/11/2020 đã ký với **Ngân hàng TMCP V**.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà **Vũ Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.885.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.355.000 đồng (*Mười triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004530 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án tỉnh An Giang (Do **Nguyễn Hoàng P** nộp thay).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2026); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS Khu vực 4 - An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh S